

HỆ THỐNG HÓA CÁC THANG ĐO PHONG CÁCH TÂM LÝ TRONG GIÁO DỤC GIA ĐÌNH: TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN

Trang Nguyễn Đăng Khoa^{1*}, Nguyễn Trí Cường²

¹Đại học Y dược TP.HCM

²Viện Y dược học dân tộc TP.HCM

Email: burin6688@gmail.com

Tóm tắt: Trong tâm lý học phát triển, phong cách giáo dục của cha mẹ (PCGD) là biến số then chốt dự báo sự hình thành nhân cách, năng lực xã hội và sức khỏe tâm thần của trẻ em. Dưới tác động phức tạp của xã hội hiện đại, việc đo lường và đánh giá chính xác PCGD ngày càng trở nên cấp thiết. Mặc dù trên thế giới đã phát triển nhiều công cụ chuẩn hóa, các nghiên cứu trong nước hiện nay phần lớn chỉ khai thác đơn lẻ từng thang đo hoặc chỉ dừng lại ở mức tóm tắt lý thuyết nền tảng của Baumrind, thiếu đi một khung đánh giá tổng thể. Bài báo này hướng tới việc hệ thống hóa đa chiều các công cụ đo lường PCGD phổ biến (bao gồm PSDQ, PS, PBI, PAQ và APQ). Bằng cách đi sâu vào cơ sở lý thuyết, cấu trúc, đặc tính tâm lý, cũng như đối chiếu ưu – nhược điểm và tính thích nghi văn hóa, nghiên cứu cung cấp một khung tham chiếu toàn diện về chủ đề nghiên cứu PCGD. Sự hệ thống hóa này làm rõ xu hướng dịch chuyển từ tự báo cáo của cha mẹ sang góc nhìn nhận thức của con cái, và từ đánh giá thái độ tổng quát sang các hành vi kỹ thuật lâm sàng. Qua đó thiết lập cơ sở khoa học giúp các nhà nghiên cứu lựa chọn công cụ tối ưu, vừa đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc tế, vừa phù hợp với đặc thù văn hóa gia đình Việt Nam.

Từ khóa: Phong cách giáo dục, thang đo tâm lý, giáo dục gia đình, nhận thức của trẻ em.

SYSTEMATIZING PSYCHOLOGICAL STYLE SCALES IN FAMILY EDUCATION: FROM THEORY TO PRACTICE

Abstract: In developmental psychology, parenting styles are key variables predicting children's personality formation, social competence, and mental health. Driven by the complexities of modern society, the accurate measurement and assessment of parenting practices have become increasingly imperative. Although standardized scales are widely developed globally, domestic studies predominantly utilize these tools in isolation or merely provide superficial overviews of Baumrind's foundational theory, lacking a comprehensive evaluative framework. This article aims to provide a multi-dimensional systematization of prominent parenting style measurement tools (including the PSDQ, PS, PBI, PAQ, and APQ). By delving into their theoretical foundations, structural designs, and psychometric properties, while simultaneously comparing their strengths, limitations, and cultural adaptability, this study offers a robust reference framework. This systematization clarifies the methodological shift from parent self-reports to child-perceived measures, and from general attitudinal assessments to specific clinical behavioral observations. Ultimately, this paper establishes a scientific basis to assist researchers in selecting optimal measurement instruments, ensuring both international methodological integration and cultural appropriateness within the context of the Vietnamese family.

Keywords: parenting styles, measurement scales, family education, psychometric properties; child perception.

Nhận bài: 11/03/2026

Phản biện: 10/04/2026

Duyệt đăng: 14/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tâm lý học gia đình, phong cách giáo dục của cha mẹ (PCGD) là một trong những biến số dự báo quan trọng nhất đối với sự hình thành nhân cách, năng lực xã hội và sức khỏe tâm thần của trẻ em. Với sự biến đổi phức tạp của cấu trúc xã hội hiện đại, các vấn đề tâm lý trẻ em ngày càng trở nên đa dạng, kéo theo nhu cầu cấp thiết về việc nhận diện và điều chỉnh các phương pháp giáo dục gia đình.

Mặc dù các thang đo PCGD đã được phát triển rộng rãi trên thế giới, nhưng phần lớn các tài liệu trong nước hiện nay chỉ tập trung khai thác đơn lẻ từng công cụ hoặc dừng lại ở việc mô tả lý thuyết của Diana Baumrind một cách sơ lược. Tính mới của bài báo này nằm ở cách tiếp cận hệ thống hóa đa chiều. Bằng cách so sánh ưu – nhược điểm và khả năng thích nghi văn hóa của từng công cụ,

nghiên cứu này cung cấp một bộ khung tham chiếu tương đối hoàn chỉnh. Đây là cơ sở khoa học quan trọng giúp các nhà nghiên cứu lựa chọn công cụ đo lường tối ưu, vừa đảm bảo tính kế thừa các tiêu chuẩn quốc tế, vừa phù hợp với đặc thù tâm lý và văn hóa gia đình Việt Nam, từ đó nâng cao giá trị và khả năng hội nhập của các nghiên cứu tâm lý học trong nước.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết – mô hình nền tảng của PCGD

PCGD không chỉ là những hành vi riêng lẻ mà là “một tập hợp các thái độ đối với trẻ, tạo ra một môi trường cảm xúc mà tại đó các hành vi của cha mẹ được biểu hiện” (Darling & Steinberg, 1993). Nói cách khác, đây là một hệ thống các phương pháp và cách ứng xử có tính ổn định, được cha mẹ sử dụng nhằm tác động và định hướng sự phát triển của con cái theo những chuẩn mực nhất

định. Baumrind lập luận rằng PCGD được cấu thành từ sự giao thoa giữa hai chiều kích cơ bản (Baumrind, 1966):

Sự đáp ứng: Thể hiện qua sự ấm áp, tình cảm, sự hỗ trợ và trách nhiệm của cha mẹ đối với các nhu cầu tâm sinh lý của trẻ;

Sự kỳ vọng/Kiểm soát: Thể hiện qua những yêu cầu về kỷ luật, sự giám sát và kỳ vọng về sự trưởng thành, buộc trẻ phải tuân thủ các quy tắc xã hội.

Chính sự khác biệt về mức độ của hai chiều kích này đã tạo nên tính riêng biệt trong phương pháp giáo dục của mỗi gia đình, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến cách trẻ tiếp nhận và phản ứng với các tác động giáo dục.

Dựa trên mô hình của Baumrind và sự phát triển của Maccoby và Martin, PCGD được phân thành bốn kiểu đặc trưng dựa trên sự kết hợp của hai chiều kích nêu trên (Maccoby & Martin, 1983):

Phong cách Dân chủ: Kết hợp giữa mức độ kỳ vọng cao và sự đáp ứng cao. Cha mẹ thiết lập kỷ luật chặt chẽ nhưng luôn đi kèm với sự giải thích, lắng nghe và tôn trọng tính độc lập của con. Trẻ lớn lên trong môi trường này thường có kỹ năng xã hội tốt và sự tự tin cao;

Phong cách Độc đoán: Đặc trưng bởi kỳ vọng cao nhưng thiếu sự đáp ứng. Cha mẹ áp đặt quyền lực tuyệt đối, ít trao đổi và thường sử dụng hình phạt. Điều này dễ dẫn đến tâm lý lo lắng và các lệch lạc trong hành vi xã hội của trẻ;

Phong cách Nuông chiều: Có sự đáp ứng cao nhưng ít kỳ vọng hoặc kỷ luật. Cha mẹ thường thỏa mãn mọi yêu cầu của trẻ mà không đặt ra các giới hạn cần thiết, dễ khiến trẻ thiếu tính tự chủ;

Phong cách Thờ ơ: Thể hiện mức độ thấp ở cả hai chiều kích. Cha mẹ thiếu sự quan tâm, bỏ mặc các nhu cầu của con cái. Trẻ thuộc nhóm này thường gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc kiểm soát hành vi và thiếu các kỹ năng sống độc lập.

2.2. Hệ thống hóa các thang đo PCGD

2.2.1. Thang đo dựa trên báo cáo của cha mẹ

Thang đo Phong cách cha mẹ về khía cạnh Giáo dục (Parenting Styles and Dimensions Questionnaire – PSDQ) được phát triển bởi Robinson, Mandleco, Olsen và Hart (2001). Đây là công cụ được xây dựng nhằm mục đích định lượng các nguyên mẫu giáo dục của Diana Baumrind thông qua các hành vi cụ thể của cha mẹ thay vì chỉ dựa trên các quan sát định tính. Mục tiêu chính của PSDQ là đánh giá các chiều kích tương tác giữa cha mẹ và con cái, từ đó phân loại

phong cách giáo dục vào ba nhóm chính: Dân chủ, Độc đoán, và Nuông chiều. PSDQ có hai phiên bản phổ biến: phiên bản đầy đủ (62 câu) và phiên bản rút gọn (32 câu). Thang đo được cấu trúc dựa trên hệ thống thang đo Likert (từ 1 – “Không bao giờ” đến 5 – “Luôn luôn”). Thang đo PSDQ có tính hệ thống tốt, không chỉ phân loại phong cách mà còn cung cấp cái nhìn chi tiết về các hành vi cụ thể. Công cụ này có khả năng áp dụng rộng rãi cho cả cha và mẹ, đồng thời có phiên bản tự báo cáo và phiên bản dành cho người bạn đời đánh giá lẫn nhau, giúp giảm thiểu sai lệch khách quan. Thang đo này đã được dịch và chuẩn hóa tại nhiều quốc gia và có chỉ số tin cậy Cronbach’s Alpha thường đạt mức cao (trên 0,75 đến 0,91) (Robinson et al., 2001) (Önder & Gülay, 2009).

Thang đo Đặc điểm cha mẹ (The Parenting Scale – PS) được phát triển bởi Arnold, O’Leary, Wolff và Acker. Khác với các thang đo tập trung vào các khía cạnh cảm xúc rộng lớn, PS được thiết kế cụ thể để đo lường các phong cách kỷ luật của cha mẹ đối với trẻ nhỏ (từ 18 tháng đến 5 tuổi, nhưng đã được mở rộng cho trẻ lớn hơn). Mục đích chính của công cụ này là xác định các phản ứng của phụ huynh khi đối mặt với hành vi sai trái của trẻ, từ đó hỗ trợ trong việc chẩn đoán lâm sàng và xây dựng các chương trình can thiệp hành vi. PS bao gồm 30 câu hỏi được thiết kế dưới dạng thang đo Likert 7, trong đó mỗi câu hỏi mô tả một tình huống kỷ luật với hai lựa chọn đối lập (một bên là cách ứng xử hiệu quả và một bên là sai lầm). Thang đo phân tách thành ba tiểu thang đo chính: Dễ dãi (cha mẹ dễ dàng nhượng bộ trước đòi hỏi của trẻ); Phản ứng quá mức (cha mẹ thường tức giận, la mắng và có cảm xúc hoặc hành động cực đoan); Giảng giải dài dòng (cha mẹ hay sử dụng quá nhiều lời nói để giáo dục nhưng không mang lại hiệu quả thực tế). Thang đo PS được ghi nhận có độ tin cậy nội bộ tốt với hệ số Cronbach’s Alpha dao động từ 0,8 đến 0,84 (Arnold et al., 1993). PS thể hiện giá trị phân biệt tốt khi có khả năng phân loại giữa các nhóm cha mẹ có con gặp vấn đề về hành vi thông qua lâm sàng. Thang đo này là công cụ tiêu chuẩn trong việc đánh giá hiệu quả của các chương trình đào tạo kỹ năng làm cha mẹ, tiêu biểu nhất là chương trình Triple P (Positive Parenting Program) (Sanders, 2023). Ngoài ra, PS còn được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu về trẻ có rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD) và rối loạn hành vi để đánh giá mức độ căng thẳng và kỹ năng quản lý của phụ huynh. Tuy nhiên, PS vẫn còn một số hạn chế, cụ thể thang đo này

chỉ tập trung vào các khía cạnh tiêu cực (kỷ luật, xử phạt) mà bỏ qua các hành vi giáo dục tích cực (như khen ngợi, khích lệ). Bên cạnh đó, thang đo này ban đầu được xây dựng cho trẻ nhỏ, nên khi áp dụng cho trẻ vị thành niên, một số mục có thể không còn phù hợp về mặt ngữ cảnh.

2.2.2. Thang đo dựa trên nhận thức của trẻ

Thang đo Gắn kết cha mẹ (Parental Bonding Instrument – PBI) được phát triển bởi Parker, Tupling và Brown (1979). Đây là một công cụ đánh giá hồi cứu nhằm đo lường nhận thức của một cá nhân về cách họ được cha mẹ nuôi dạy trong suốt 16 năm đầu đời. Thay vì tập trung vào các phong cách giáo dục chung chung, PBI hướng sâu vào bản chất của sự gắn kết giữa cha mẹ và con cái, giúp xác định các yếu tố nguy cơ hoặc bảo vệ đối với sức khỏe tâm thần của cá nhân khi trưởng thành. PBI bao gồm 25 câu hỏi (đánh giá riêng biệt cho Cha và Mẹ). Các câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 4 điểm (từ 0 – “Rất không giống” đến 3 – “Rất giống”), tập trung vào hai khía cạnh độc lập: Sự quan tâm (12 câu); Sự bảo bọc – kiểm soát (13 câu). Sự kết hợp giữa điểm số của hai khía cạnh này cho phép phân loại cha mẹ vào 4 nhóm gắn kết: Gắn kết tối ưu; Ràng buộc tình cảm; Bỏ mặc; Kiểm soát thiếu tình thương. PBI được đánh giá là một trong những thang đo có tính ổn định cao nhất theo thời gian. Hệ số tin cậy nội bộ Cronbach’s alpha thường đạt trên 0,80 cho cả hai chiều (Parker et al., 1979). Các nghiên cứu kiểm tra lại sau 20 năm vẫn cho thấy sự nhất quán trong ký ức về cách nuôi dạy của cha mẹ (Wilhelm et al., 2005). PBI không chỉ đánh giá hành vi mà còn khám phá môi trường cảm xúc cốt lõi của gia đình. Đây là công cụ duy nhất cho phép nhà nghiên cứu đánh giá môi trường giáo dục quá khứ một cách có hệ thống. Tuy nhiên, do dựa trên đánh giá hồi cứu kết quả có thể bị ảnh hưởng bởi trạng thái tâm lý hiện tại của người trả lời và sai lệch do “hồi tưởng”. Ngoài ra, thang đo này không đánh giá các biện pháp kỷ luật cụ thể hoặc các tình huống giáo dục trẻ ở hiện tại.

Thang đo Quyền cha mẹ (Parental Authority Questionnaire – PAQ) được phát triển bởi John Buri (1991). Đây là một trong những công cụ đầu tiên và phổ biến được thiết kế để đo lường các PCGD của cha mẹ dựa trên lý thuyết kinh điển của Diana Baumrind (1971). Khác với các thang đo để cha mẹ tự đánh giá, PAQ được xây dựng nhằm thu thập dữ liệu từ góc nhìn của con cái. Mục đích của Buri là đánh giá xem trẻ nhận thức như thế nào về các nỗ lực kiểm soát và giáo dục của cha

mẹ, từ đó cung cấp một cái nhìn khách quan hơn về môi trường gia đình thực tế (Buri, 1991). PAQ bao gồm 30 câu hỏi cho mỗi bậc phụ huynh (tổng cộng 60 câu nếu đánh giá cả cha và mẹ). Các câu hỏi được trả lời theo thang đo Likert 5 điểm, chia đều thành ba tiểu mục tương ứng với ba phong cách giáo dục chính: Phong cách nuông chiều; Phong cách độc đoán; Phong cách dân chủ. PAQ có độ ổn định rất cao. Trong nghiên cứu gốc của Buri (1991), hệ số tin cậy nội bộ Cronbach’s alpha từ 0,74 đến 0,87 cho cả ba tiểu mục trong thang đo. Độ tin cậy kiểm tra lại trong khoảng thời gian hai tuần đạt mức từ 0,77 đến 0,92. PAQ đã trở thành công cụ nền tảng được sử dụng để nghiên cứu mối liên hệ giữa cách nuôi dạy của cha mẹ với kết quả học tập, sự hình thành bản sắc cá nhân và các rối loạn tâm lý ở học sinh, sinh viên. Tại Việt Nam, PAQ cũng là một trong những thang đo được các nhà nghiên cứu ưu tiên chuyên ngữ và chuẩn hóa nhiều nhất khi nghiên cứu về đối tượng học sinh trung học phổ thông và sinh viên đại học. Trong nghiên cứu tâm lý, cảm nhận của đứa trẻ về sự giáo dục thường có giá trị dự báo sức khỏe tâm thần chính xác hơn là báo cáo từ phía cha mẹ (vốn dễ bị ảnh hưởng bởi mong muốn xã hội). Mặt khác, PAQ có thể gặp sai lệch nếu mối quan hệ hiện tại giữa con và cha mẹ đang trong giai đoạn xung đột căng thẳng. Hơn nữa, PAQ chỉ tập trung vào ba phong cách của Baumrind, bỏ sót phong cách thứ tư là “Thờ ơ/Bỏ mặc” theo lý thuyết kinh điển của Diana Baumrind.

2.2.3. Thang đo hành vi cụ thể (APQ – Alabama Parenting Questionnaire)

Thang đo Nuôi dạy con cái Alabama (Alabama Parenting Questionnaire – APQ) được phát triển bởi Paul J. Frick (1991). Khác với các thang đo tập trung vào “phong cách” dựa trên thái độ, APQ được thiết kế để đo lường các hành vi giáo dục cụ thể có liên quan mật thiết đến sự hình thành và duy trì các rối loạn hành vi ở trẻ em (như rối loạn thách thức chống đối hoặc rối loạn hành vi). Mục đích chính của APQ là cung cấp một công cụ đánh giá đa chiều về cách cha mẹ quản lý và tương tác với trẻ trong cuộc sống hàng ngày. Phiên bản đầy đủ của APQ bao gồm 42 câu hỏi dành cho cả cha mẹ và trẻ em từ 6-18 tuổi. Các mục được đánh giá trên thang Likert 5 điểm (từ 1 – “Không bao giờ” đến 5 – “Luôn luôn”), tập trung vào 5 nội dung cốt lõi: Sự tham gia; Giáo dục tích cực; Giám sát kém; Kỷ luật thiếu nhất quán; Hình phạt thân thể. Hệ số Cronbach’s alpha của APQ thường dao động từ 0,68 đến 0,8. Các tiểu phần của thang

đo như “Sự tham gia” và “Giáo dục tích cực” thường có độ tin cậy cao hơn so với “Hình phạt thân thể” (do số lượng câu hỏi ít). APQ có giá trị dự báo lâm sàng rất cao, thường được sử dụng để phân biệt giữa các nhóm trẻ có rối loạn hành vi và trẻ phát triển bình thường. Điểm số cao ở các tiểu mục “Giám sát kém” và “Kỷ luật thiếu nhất quán” là những chỉ báo mạnh mẽ cho các hành vi lệch chuẩn ở trẻ vị thành niên (Shelton et al., 1996). APQ là một công cụ toàn diện với đặc tính thông tin đa chiều gồm cả phần hỏi cho cha mẹ và cho con cái nhằm xác định được các sai lệch trong nhận thức, từ đó hỗ trợ trong việc xây dựng kế hoạch can thiệp. Mặc dù có tính toàn diện đa thông tin nhưng APQ dễ xảy ra các sai lệch trong mục “Hình phạt thân thể” bởi vì cha mẹ có tâm lý tránh né hoặc giảm nhẹ việc đánh con. Ngoài ra, do tập trung vào các yếu tố nguy cơ dẫn đến rối loạn hành vi, APQ có thể không phản ánh đầy đủ các khía cạnh âm áp hoặc gắn kết cảm xúc sâu sắc như các thang đo khác.

III. KẾT LUẬN

Tổng quan hệ thống về các công cụ đánh giá phong cách giáo dục cho thấy sự đa dạng và bổ trợ lẫn nhau giữa các thang đo trong việc nghiên cứu tương tác gia đình. Các thang đo như PSDQ và PAQ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định khung phong cách tổng quát dựa trên lý thuyết của Baumrind, trong đó PAQ đặc biệt ưu thế khi khai thác góc nhìn của con cái – một biến số có giá trị dự báo sức khỏe tâm thần cao hơn so với báo cáo tự thân từ cha mẹ. Trong khi đó, PBI mang lại giá trị độc đáo thông qua việc đánh giá hồi cứu môi trường cảm xúc cốt lõi và sự gắn kết, cho phép

các nhà nghiên cứu tìm hiểu nguồn gốc các vấn đề tâm lý ở người trưởng thành.

Ở góc độ hành vi, thang đo PS và APQ thể hiện tính ứng dụng cao trong lâm sàng. Nếu PS tập trung vào các sai lầm trong kỷ luật ở trẻ nhỏ để hỗ trợ các chương trình can thiệp như Triple P, thì APQ lại cung cấp một hệ thống thông tin đa chiều từ cả phụ huynh và trẻ em, giúp nhận diện sớm các nguy cơ dẫn đến rối loạn hành vi lệch chuẩn. Tuy nhiên, mỗi công cụ đều tồn tại những hạn chế nhất định, phổ biến nhất là sai lệch do “mong muốn xã hội” trong các báo cáo tự thân hoặc sai lệch hồi tưởng trong các đánh giá hồi cứu.

Từ kết quả hệ thống hóa, nghiên cứu rút ra một số kiến nghị quan trọng. Đầu tiên, việc lựa chọn thang đo cần căn cứ vào mục tiêu cụ thể: sử dụng PSDQ/PAQ cho nghiên cứu diện rộng về phong cách, và APQ/PS cho các can thiệp hành vi chuyên sâu. Thứ hai, cần chú trọng tính đa thông tin bằng cách kết hợp cả báo cáo của cha mẹ và nhận thức của trẻ để đảm bảo tính khách quan. Cuối cùng, trong bối cảnh xã hội Việt Nam, việc chuyển ngữ và chuẩn hóa các thang đo này cần đặc biệt lưu ý đến các yếu tố văn hóa Á Đông, nơi các khái niệm như “kiểm soát” hay “hình phạt” có thể mang sắc thái biểu đạt khác biệt so với nguyên mẫu phương Tây.

Việc hiểu rõ cấu trúc và đặc tính tâm lý đo lường của từng thang đo không chỉ giúp chuẩn hóa các công trình nghiên cứu mà còn là gợi ý góp phần nâng cao hiệu quả của giáo dục gia đình và bảo vệ sức khỏe tâm lý cho thế hệ trẻ của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Arnold, D. S., O’Leary, S. G., Wolff, L. S., & Acker, M. M. (1993). The Parenting Scale: A Measure of Dysfunctional Parenting in Discipline Situations. *Psychological Assessment*, 5(2), 137–144. <https://doi.org/10.1037/1040-3590.5.2.137>
- Baumrind, D. (1966). Effects of authoritative parental control on child behavior. *Child Development*, 37, 887–907.
- Buri, J. R. (1991). Parental Authority Questionnaire. In *Journal of Personality Assessment* (Vol. 57, Issue 1, pp. 110–119). Lawrence Erlbaum. https://doi.org/10.1207/s15327752jpa5701_13
- Darling, N., & Steinberg, L. (1993). Parenting style as context: An integrative model. *Psychological Bulletin*, 113(3), 487–496. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.113.3.487>
- Maccoby, E. E., & Martin, J. A. (1983). Socialization In The Context Of The Family: Parent-Child Interaction. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:142797725>
- Önder, A., & Gülay, H. (2009). Reliability and validity of parenting styles & dimensions questionnaire. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 1(1), 508–514. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2009.01.092>
- Parker, G., Tupling, H., & Brown, L. B. (1979). A Parental Bonding Instrument. *British Journal of Medical Psychology*, 52(1), 1–10. <https://doi.org/https://doi.org/10.1111/j.2044-8341.1979.tb02487.x>
- Robinson, C., Mandelco, B., Roper, S., & Hart, C. (2001). The Parenting Styles and Dimensions Questionnaire (PSDQ). *Handbook of Family Measurement Techniques*, 3, 319–321.
- Sanders, M. R. (2023). The Triple P System of Evidence-Based Parenting Support: Past, Present, and Future Directions. *Clinical Child and Family Psychology Review*, 26(4), 880. <https://doi.org/10.1007/S10567-023-00441-8>
- Shelton, K. K., Frick, P. J., & Wootton, J. (1996). Assessment of parenting practices in families of elementary school-age children. *Journal of Clinical Child Psychology*, 25(3), 317–329. https://doi.org/10.1207/s15374424jccp2503_8
- Wilhelm, K., Niven, H., Parker, G., & Hadzi-Pavlovic, D. (2005). The stability of the Parental Bonding Instrument over a 20-year period. In *Psychological Medicine* (Vol. 35, Issue 3, pp. 387–393). Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/S0033291704003538>